

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH VÀ CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH		
Mã học phần:	71FINC20013	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	71FINC20013_01,02,03		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng File Hot Potatoes. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng các kiến thức về hoạt động của hệ thống tài chính, vai trò của các công cụ tài chính và các tổ chức quản lý liên quan để giải quyết các tình huống trong học tập	Trắc nghiệm	20	Câu 1 đến câu 20	0,35/câu	
CLO2	Phân tích biến động lãi suất và nguyên nhân có sự khác nhau về lợi suất giữa các chứng khoán khác nhau trên thị trường tài chính;	Trắc nghiệm	20	Câu 1 đến câu 20	0,35/câu	
CLO3	Chứng minh vai trò quan trọng của các định chế tài chính trong việc luân chuyển vốn trên thị trường tài chính.	Trắc nghiệm	30	Câu 1 đến câu 20	0,35/câu	
CLO4	Vận dụng tư duy phản biện để phân tích, đánh giá, biện luận cho các tình huống, kịch bản của các định chế trên thị trường tài chính.	Tự luận	20	Câu 22	2/câu	
CLO6	Hình thành thói quen tự học và nghiên cứu thêm các tình huống thực tế trên thị trường tài chính trong nước	Tự luận	10	Câu 21	1/câu	R

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) *Nêu nội dung của CLO tương ứng.*

(3) *Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.*

(4) *Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).*

(5) *Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.*

(6) *Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.*

(7) *Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.*

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu + 0,35 điểm/câu)

Phát biểu nào sau đây KHÔNG chính xác:

A. Sản phẩm phái sinh chỉ được giao dịch trên thị trường tập trung

B. Công cụ phái sinh được sử dụng để đầu cơ hoặc phòng vệ rủi ro

C. Ủy ban chứng khoán có quyền cấp phép cho các hoạt động kinh doanh, giao dịch các sản phẩm phái sinh niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán

D. Hạn chế của giao dịch phái sinh trên OTC là rủi ro vỡ nợ

ANSWER: A

Sắp xếp các chứng khoán thị trường tiền tệ sau theo thứ tự mức độ rủi ro từ thấp đến cao:

(1) Tín phiếu; (2) Thương phiếu; (3) Chứng chỉ tiền gửi khả nhượng; (4) Hối phiếu được xác nhận thanh toán bởi ngân hàng.

A. (1) (4) (3) (2)

B. (1) (3) (4) (2)

C. (1) (2) (3) (4)

D. (1) (2) (4) (3).

ANSWER: A

Định chế tài chính cạnh tranh trực tiếp với công ty chứng khoán khi cung cấp dịch vụ tư vấn sáp nhập?

A. Ngân hàng thương mại

B. Công ty bảo hiểm

C. Quỹ hỗ trợ

D. Quỹ hưu trí

ANSWER: A

Công cụ nào sau đây KHÔNG phải là công cụ của thị trường tiền tệ?

A. Chứng chỉ quỹ đầu tư VCBS

B. Một tín phiếu kho bạc kỳ hạn ba tháng.

C. Một thỏa thuận vay để bù đắp thanh khoản tạm thời của Vietcombank và BIDV trong hai tuần.

D. NCDs kỳ hạn sáu tháng

ANSWER: A

Cổ tức của cổ đông ưu đãi nhận được

- A. Cổ tức cố định
- B. Cổ tức thay đổi hàng năm
- C. Cổ tức thỏa thuận
- C. Cổ tức tùy thuộc vào lợi nhuận của công ty

ANSWER: A

Định chế tài chính phi ngân hàng thành lập để cung cấp dịch vụ nhằm giảm thiệt hại tài chính tiềm năng mà các cá nhân hay công ty phải gánh chịu khi rủi ro xảy ra?

A. Công ty bảo hiểm

- B. Quỹ hỗ trợ
- C. Công ty tài chính
- D. Ngân hàng đầu tư

ANSWER: A

Quỹ hỗ trợ cổ phiếu nào thường bao gồm cổ phiếu của các công ty chưa hoàn toàn sung mãn và dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ cao hơn trung bình trong tương lai. Mục tiêu chính là đạt được sự gia tăng giá trị của cổ phiếu mà không phải lo lắng về việc tạo ra thu nhập ổn định

A. Quỹ tăng trưởng

- B. Vốn đa dạng
- C. Quỹ đặc biệt
- D. Quỹ quốc tế và toàn cầu

ANSWER: A

Một nhà đầu tư mua T – Bill 180 ngày mệnh giá 250.000 USD với giá 242.000 USD, nhà đầu tư giữ trong 60 ngày và bán lại với giá 247.000 USD. Suất sinh lợi yêu cầu theo năm của nhà đầu tư mua T-bill này là bao nhiêu?

A. 12,6%

- B. 11,4%
- C. 10,1%
- D. 9,8%

ANSWER: A

“Sản phẩm chủ lực của công ty tài chính AT Credit là các sản phẩm cho vay tiêu dùng tín chấp đơn giản và hiệu quả – các giải pháp tài chính bền vững, an toàn, được pháp luật bảo vệ nhằm giúp người Việt tháo gỡ khó khăn tài chính và nâng cao chất lượng cuộc sống”. Phân loại theo dịch vụ cung cấp, AT Credit thuộc loại hình công ty tài chính nào?

A. Công ty tài chính tiêu dùng

- B. Công ty tài chính cho vay kinh doanh
- C. Công ty tài chính con – CFS
- D. Công ty tài chính đa quốc gia

ANSWER: A

Loại hợp đồng phái sinh nào là một thoả thuận/hợp đồng giữa hai bên tham gia trong đó một bên mua và một bên bán chấp thuận thực hiện giao dịch một loại tài sản (hàng hóa/công cụ tài chính) với khối lượng xác định, tại một thời điểm xác định trong tương lai với một mức giá ấn định vào ngày hôm nay?

A. Hợp đồng kỳ hạn

- B. Hợp đồng tương lai
- C. Hợp đồng quyền chọn
- D. Hợp đồng hoán đổi

ANSWER: A

Quỹ đóng không thực hiện hoạt động nào sau đây?

A. Mua lại các cổ phần mà quỹ đã bán.

B. Đóng lại với các nhà đầu tư mới sau khoảng thời gian chào bán cổ phần lần đầu.

C. Phát hành cổ phần và sử dụng vốn để đầu tư cổ phiếu cho lĩnh vực hoặc quốc gia riêng biệt.

D. Phát hành cổ phần và sử dụng vốn để đầu tư cổ phiếu cho lĩnh vực hoặc quốc gia riêng biệt.

ANSWER: A

Nếu tổng cầu về quỹ cho vay tăng lên mà không có sự _____ tương ứng trong tổng cung, thì sẽ có sự _____ nguồn cung quỹ cho vay

A. Gia tăng, Thiếu hụt

B. Gia tăng, Thặng dư

C. Sụt giảm, Thiếu hụt

D. Sụt giảm, Thặng dư

ANSWER: A

Xác định các giao dịch thể hiện hoạt động phát hành chứng khoán trên thị trường sơ cấp, trong các trường hợp sau: (TH1) Công ty Bafugo phát hành 100 triệu cổ phiếu lần đầu (IPO) ra công chúng. (TH2) CEO Tesla Elon Musk đã bán 3,95 tỷ USD cổ phiếu hãng xe điện, sau khi hoàn tất thương vụ mua Twitter. (TH3) Công ty cổ phần Vinhomes phát hành 10.000 tỷ trái phiếu chuyển đổi, lãi suất 15%. (TH4) Ngân hàng VCB mua trái phiếu kỳ hạn 5 năm đã được phát hành cách đây 3 năm.

A. TH 1,3

B. TH 2,4

C. TH 1,4

D. TH 2,3

ANSWER: A

Nhà đầu tư trả 985.000 USD cho thương phiếu có mệnh giá là 1.000.000 USD. Thương phiếu có thời gian đáo hạn là 60 ngày, giả định rằng nhà đầu tư sở hữu thương phiếu đến ngày đáo hạn. Tính tỷ suất sinh lợi?

A. 9,14%

B. 8,78%

C. 8,90%

D. 8,62%

ANSWER: A

Khi có nhiều thương vụ IPO, công ty chứng khoán có thể tăng nguồn thu nhập từ:

A. Bảo lãnh phát hành

B. Tái cấu trúc doanh nghiệp

C. Tư vấn tài chính

D. Dịch vụ môi giới

ANSWER: A

Một chứng khoán nợ có thời hạn 5 năm đã được mua cách đây 3 năm bởi nhà đầu tư có dự định sẽ bán lại nó. Nhà đầu tư sẽ bán chứng khoán này trên thị trường nào?

A. Thị trường thứ cấp

B. Thị trường cổ phiếu

C. Thị trường liên ngân hàng.

D. Thị trường sơ cấp

ANSWER: A

Hợp đồng Quyền chọn là gì?

A. Một hợp đồng cho phép người nắm giữ nó được mua hay được bán một khối lượng nhất định tài sản tại một mức giá xác định và trong một thời hạn nhất định trong tương lai.

B. Một hợp đồng đòi hỏi một bên của hợp đồng sẽ mua hoặc bán một hàng hoá nào đó tại một thời hạn xác định trong tương lai theo một mức giá đã định trước.

C. Một hợp đồng cho phép người nắm giữ nó được mua hay được bán một khối lượng nhất định tài sản tại mức giá giao ngay và trong một thời hạn nhất định trong tương lai.

D. Một hợp đồng cho phép người nắm giữ nó được mua hay được bán một khối lượng nhất định tài sản tại một mức giá xác định và tại bất kỳ thời điểm nào trong tương lai.

ANSWER: A

Công ty cổ phần bắt buộc phải có:

A. Cổ phiếu phổ thông

B. Cổ phiếu ưu đãi

C. Trái phiếu

D. Chứng chỉ quỹ

ANSWER: A

Ngân hàng niêm yết lãi suất tiền gửi kỳ hạn 6 tháng là 4%/năm, nền kinh tế có mức lạm phát 6%. Nhận định nào sau đây là phù hợp?

A. Khách hàng không nên gửi tiền vào ngân hàng

B. Khách hàng nên gửi tiền vào ngân hàng

C. Chưa đủ cơ sở để đưa ra nhận định

C. Khách hàng nên gửi kỳ hạn dài hơn

ANSWER: A

Sử dụng hợp đồng hoán đổi lãi suất là một trong những biện pháp nhằm hạn chế rủi ro nào sau đây?

A. Lãi suất

B. Thanh khoản

C. Tín dụng

D. Tỷ giá

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (2 câu)

Câu 21 (1,0 điểm)

Trình bày các mục tiêu cuối cùng của Chính sách tiền tệ?

Câu 22 (2,0 điểm)

Công ty của bạn đang xem xét đầu tư vào một trái phiếu có mệnh giá 5.000.000 VND, thời gian đáo hạn là 2 năm, lãi suất coupon 6%/năm. Nếu công ty kỳ vọng tỷ suất sinh lợi của khoản đầu tư này là 8% và giá trái phiếu trên thị trường hiện đang giao dịch ở mức giá là 4.500.000 VNĐ thì công ty có nên mua trái phiếu này hay không? Vì sao?

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		7,0	
Câu 1 – 20	Đáp án A	0,35	
II. Tự luận		3,0	

Câu 21	Tăng trưởng kinh tế.	0,25	
	Ổn định giá trị tiền tệ + Đối nội: Kiểm soát lạm phát + Đối ngoại: Ổn định tỷ giá.	0,25 0,25	
	Tăng mức nhân dụng: Tạo công ăn việc làm và giảm bớt thất nghiệp.	0,25	
Câu 22	Lãi coupon hàng năm: $6\% * 5.000.000 = 300.000$	0,25	
	Giá trái phiếu nếu doanh nghiệp đòi hỏi suất sinh lời 8% là: $300.000 / (1+8\%)^1 + (300.000 + 5.000.000) / (1+8\%)^2 = 4.821.674$	0,75	
	Mua	0,5	
	Vì giá thị trường thấp hơn giá trị định giá	0,5	
		10.0	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2024

Giảng viên ra đề

Th.S Phan Thị Huyền Trang